Rừng ngập mặn toàn cầu

intl.moi-truong.bien-dai-duong-ven-bien.mangroves

Version GMW v4.1.12 (2026-08-03); FRA 2025 · Cập nhật 2026-11-01 · Chính sách cập nhật monthly

ĐIỂM NỔI BẬT

DIỆN TÍCH TOÀN CẦU — GMW

147283.64

km²

2025

DIỆN TÍCH TOÀN CẦU — FRA

15861000

ha

2025

DIỆN TÍCH VIỆT NAM — GMW

160396.92

ha

2025

DỮ LIỆU

Diện tích rừng ngập mặn — GMW Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn cầu	147283.64 km²
Thay đổi ròng diện tích rừng ngập mặn — GMW Kỳ dữ liệu: 1985–2025 · Địa bàn: Toàn cầu	477.2 km²
Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn cầu	15861000 ha
Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Châu Phi	3280000 ha
Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đông và Nam Phi	924000 ha
Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Phi	32200 ha
Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây và Trung Phi	2324000 ha
Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Châu Á	6102000 ha
Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đông Á	27500 ha
Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nam và Đông Nam Á	6023000 ha

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 50800 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây và Trung Á

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 0 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Châu Âu

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 2424000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc và Trung Mỹ

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 690000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Caribe

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 521000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Trung Mỹ

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 1213000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Mỹ

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 1541000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Châu Đại Dương

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 2514000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nam Mỹ

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 3400000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Indonesia

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 1390000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Brazil

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 1110000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Australia

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 976000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nigeria

Diện tích rừng ngập mặn — FRA 2025 — 947000 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Mexico

Diện tích rừng ngập mặn — GMW — 160396.92 ha
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Việt Nam

NGUỒN & ĐỘ MỚI

Phiên bản: GMW v4.1.12 (2026-08-03); FRA 2025
Cập nhật: 2026-11-01
Giấy phép: Không ghi nhận

Aberystwyth University — ‘Encouraging’ global mangrove cover increase despite losses in key regions, data reveals
https://www.aber.ac.uk/en/news/archive/2026/08/title-288760-en.html

Global News View — Are mangrove forests recovering?
https://gnv.news/archives/987499666

Global Mangrove Watch — Worldwide — Mangrove Habitat Extent and Mangrove Net Change
https://www.globalmangrovewatch.org/?activeLayers=mangrove_extent&category=distribution_and_change&zoom=2

Japan Aerospace Exploration Agency — Global Mangrove Watch dataset
https://www.eorc.jaxa.jp/ALOS/en/dataset/gmw_e.htm

Global Mangrove Watch — Worldwide dashboard — Mangrove Net Change
https://www.globalmangrovewatch.org/?map=eyJiYXNlbWFwIjoibGlnaHQiLCJ2aWV3cG9ydCI6eyJsYXRpdHVkZSI6MjAsImxvbmdpdHVkZSI6MCwiem9vbSI6Mn19&widgets=eyJoaWdobGlnaHRlZF9wbGFjZXMiOnsiaXNDb2xsYXBzZWQiOnRydWUsImlzQWN0aXZlIjpmYWxzZX0sIm1hbmdyb3ZlX2V4dGVudCI6eyJpc0NvbGxhcHNlZCI6ZmFsc2UsImlzQWN0aXZlIjp0cnVlfSwibWFuZ3JvdmVfY292ZXJhZ2UiOnsiaXNDb2xsYXBzZWQiOmZhbHNlfSwibWFuZ3JvdmVfbmV0X2NoYW5nZSI6eyJpc0NvbGxhcHNlZCI6ZmFsc2UsImlzQWN0aXZlIjp0cnVlfX0=

Wetlands International / Global Mangrove Alliance — State of the World’s Mangroves 2026
https://www.mangrovealliance.org/

Global Mangrove Watch — Worldwide — Mangrove Habitat Extent and Net Change
https://www.globalmangrovewatch.org/

Food and Agriculture Organization of the United Nations — Global Forest Resources Assessment 2025
https://doi.org/10.4060/cd6709en

Nations Inquiry; thống kê từ Global Mangrove Watch — Mangrove forests by country 2025
https://zenodo.org/records/21346457